

QUAN NIỆM CỦA HENRI BERGSON VỀ ĐẠO ĐỨC

Trịnh Thị Hằng^(*)

^(*) Nghiên cứu sinh Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

Email: misshangtrinh@gmail.com

Tóm tắt: Henri Bergson là một trong những triết gia lớn của triết học Pháp cận - hiện đại và là đại biểu tiêu biểu của trào lưu triết học sự sống (hay triết học đời sống). Khi nghiên cứu về đạo đức, Bergson tiếp cận ở các phương diện về nguồn gốc, nguyên tắc, cơ chế hoạt động và định hướng giá trị đạo đức. Ông đề cập đến hai hình thái đạo đức: “đạo đức đóng” và “đạo đức mở”; phân biệt hai hình thái đạo đức với hai hình thái xã hội khác nhau. “Đạo đức đóng” thuộc về xã hội có nguồn gốc tự nhiên. “Đạo đức mở” thuộc về thế giới của những tâm hồn cao thượng, bắt nguồn từ tiếng gọi của “những người anh hùng” và lực đẩy của cảm xúc. Con người được tạo ra cho xã hội và bản phận là một yếu tố luôn tồn tại trong bản chất con người, một sức mạnh thúc đẩy ý chí mỗi cá nhân, hướng tới sự đoàn kết xã hội.

Từ khóa: đạo đức, đạo đức đóng, đạo đức mở, triết học Henri Bergson.

Ngày nhận bài: 03/06/2025; ngày phản biện: 04/06/2025; ngày sửa chữa: 02/08/2025; ngày duyệt đăng: 20/11/2025.

1. Dẫn nhập

Henri Bergson (1859 – 1941) là một nhà triết học người Pháp, một nhà tư tưởng lớn trong nhiều lĩnh vực. Trong toàn bộ hệ thống tư tưởng của mình, Bergson đã thể hiện một nỗ lực triệt để nhằm bổ sung thêm những phương diện mới cho cả lý thuyết tiến hóa và triết học đạo đức; định hình cho mình một cách tiếp cận mới trong việc nghiên cứu xã hội - xã hội sinh học đối với vấn đề đạo đức; kiến tạo nên một quan niệm độc đáo về đời sống và đạo đức; nơi đạo đức không chỉ là hệ thống quy phạm, mà còn là một hiện tượng sống động, phát triển từ nội

lực sáng tạo và tinh thần vượt thoát của con người. Quan niệm đạo đức của ông vì thế không dừng lại ở bình diện lý luận thuần túy, mà hàm chứa những chỉ dẫn có tính thực tiễn sâu sắc, đặc biệt trong bối cảnh xã hội đương đại đang đối mặt với những khủng hoảng đạo đức, sự tha hóa kỹ trị và nhu cầu tái thiết giá trị nhân văn. Bài viết này nhằm làm rõ vị trí và nội dung cốt lõi trong tư tưởng đạo đức của Bergson, qua đó nhận diện những giá trị của tư tưởng này đối với các vấn đề đạo đức xã hội hiện nay.

2. Bản phận đạo đức

“Bản phận đạo đức” là khái niệm

nền tảng mà Bergson dùng để phân tích đạo đức. Dưới góc nhìn của Bergson, bốn phạm chính là “nghĩa vụ” hay “thói quen” của con người trong đời sống xã hội. Theo đó, nghĩa vụ đạo đức, nghĩa vụ tôn trọng mạng sống và tài sản của người khác là một yêu cầu cơ bản của đời sống xã hội. Bergson cho rằng, nghĩa vụ đạo đức xuất phát từ hai nguồn gốc: *nguồn gốc xã hội* và *nguồn gốc tự nhiên*. Có hai lực lượng riêng biệt tác động lên đời sống đạo đức con người: *Một là*, áp lực (hoặc ràng buộc) xã hội tạo ra đối với các thành viên trong xã hội; *hai là*, sự kêu gọi (hoặc sức thu hút) của những anh hùng - người có đặc quyền đối với nhân loại; từ đó, hình thành nên hai nền đạo đức riêng biệt và không thể giản lược - “Đạo đức đóng” và “Đạo đức mở”.

Ở góc độ là *nguồn gốc xã hội* hình thành bốn phạm đạo đức, Bergson nhấn mạnh rằng: nghĩa vụ xã hội là một loại áp lực và thói quen đặc biệt; “xã hội, hiện diện trong mỗi thành viên của mình, có những yêu sách, dù lớn hay nhỏ, mỗi yêu sách đều thể hiện tổng thể sức sống của nó (...) Nếu không có một phần nào đó của xã hội trong chúng ta, nó sẽ không có sức ảnh hưởng đến chúng ta” (Bergson 1974: 11). Lý giải điều này, Bergson cho rằng, xã hội loài người ngay từ thuở sơ khai đã thực hiện một quá trình giáo dục không ngừng nghỉ, khắc sâu vào mỗi thành viên trong xã hội hệ thống các thói quen phù hợp với những nhu cầu cơ bản của cộng đồng. Điều này khiến cho con người bị ràng buộc chặt chẽ với xã

hội mà họ thuộc về, khiến họ không thể thoát ly hoàn toàn. Từ đó, sự ràng buộc xã hội sẽ tiếp tục đi sâu vào trí tưởng tượng, ký ức và in sâu vào ngôn ngữ. Chính xã hội quyết định thói quen hàng ngày của chúng ta; chúng ta tuân theo các quy tắc của xã hội mà không cần phải suy nghĩ nhiều. Hầu hết các nhiệm vụ của chúng ta đều được hoàn thành một cách tự động và việc tuân theo các quy tắc là “một hình thức chấp nhận thụ động, dễ dàng” (Bergson 1974: 11).

Theo Bergson, cơ chế hoạt động của bốn phạm đạo đức giống với cơ chế hoạt động sinh học. Từ đó, ông so sánh xã hội loài người với một sinh vật và một tổ kiến để nhận diện rõ hơn chức năng của nghĩa vụ đạo đức. Ở dạng cơ bản nhất, nghĩa vụ tương ứng với nhu cầu bảo tồn xã hội: “Là mỗi liên kết có cùng bản chất như mỗi liên kết gắn kết những con kiến trong tổ kiến hoặc các tế bào của một sinh vật... Các thành viên của một cộng đồng dân sự gắn kết với nhau như các tế bào của một cơ thể” (Bergson 1974: 5).

Bằng việc so sánh cơ chế hoạt động của bốn phạm đạo đức con người với cơ chế của sinh vật, Bergson đã mang lại góc nhìn khác khi nghiên cứu về con người và xã hội loài người ở góc độ đạo đức. Theo đó, con người với hệ thống các thói quen xã hội được thực hiện để đảm bảo sự gắn kết xã hội, hạnh phúc của cộng đồng. Xã hội loài người cũng như xã hội các sinh vật khác, đều là các hệ thống có tổ chức, trong đó các thành viên có sự phân công lao động rõ ràng. Từ đó, mỗi thành viên phải có ý thức

về tinh thần trách nhiệm, ý thức về bổn phận, nghĩa vụ cộng đồng. Mỗi vị trí của mỗi thành viên sẽ tạo sức mạnh giúp duy trì trật tự xã hội giống như lực lượng liên kết các tế bào riêng lẻ trong cơ thể sinh vật và những con kiến trong một tổ kiến. Tư tưởng này mang lại giá trị sâu sắc trong việc định hướng con người hướng tới lối sống vì cộng đồng.

Với góc độ là *nguồn gốc tự nhiên* hình thành bổn phận đạo đức, Bergson xem xét yếu tố lý trí, từ đó nhấn mạnh: “Lý trí hoạt động ở mọi nơi trong hành vi đạo đức” (Bergson 1974: 60). Lý trí can thiệp như một cơ quan điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán giữa các quy tắc và châm ngôn; từ đó, đơn giản hóa những yếu tố đạo đức. Lý trí, hiện diện trong mỗi người chúng ta, tạo nên phẩm giá của con người, là sản phẩm của thiên tài con người. Chỉ có lý trí mới có thể kiên định với chính mình; bằng cách này, chúng ta mới có thể so sánh các cách ứng xử khác nhau; mới có thể ước tính được giá trị đạo đức của con người. Nhưng, Bergson cũng nêu rõ: Chỉ lý trí của những người đã làm cho loài người trở nên thần thánh mới lôi kéo chúng ta hướng tới một xã hội lý tưởng; lý trí “ở mức độ mà cuộc sống được ban tặng một năng lực nhận thức cao, đó là khả năng giải quyết vấn đề” (Bergson 1974: 60) - lý trí của những anh hùng. “Đó chính là những người sáng lập và cải cách tôn giáo, những nhà thần bí và thánh nhân, những anh hùng thầm lặng của đời sống đạo đức mà chúng ta đã gặp trên đường đi và trong mắt chúng ta, họ ngang hàng với

những người vĩ đại nhất. Tất cả họ ở đó, truyền cảm hứng từ tấm gương của họ, chúng ta noi theo họ. Họ thực sự là những người chinh phục: họ đã phá vỡ sự kháng cự tự nhiên và đưa nhân loại đến một vận mệnh mới” (Bergson 1974: 42). Thậm chí, trong bài giảng tại Đại học Birmingham, Bergson đã ví những người anh hùng này là đỉnh cao của sự tiến hóa: “Chính con người có đạo đức là người sáng tạo ở mức độ cao nhất, chính anh ta là người mở ra cho nhân loại những con đường mới dẫn đến đức hạnh. Những cá nhân phi thường này là đỉnh cao của sự tiến hóa” (Idella Gallagher J. 1970: 13).

Bằng việc suy tôn đạo đức của những vĩ nhân, người anh hùng; tấm gương đạo đức thu hút từ những anh hùng sẽ là lời kêu gọi nhân loại vươn đến xã hội lý tưởng. Ở góc độ này, tư tưởng Bergson mang lại giá trị nhất định trong việc khơi dậy ở mỗi người những động lực vươn lên, rèn luyện bản thân, theo đuổi lý tưởng đạo đức tốt đẹp theo hình mẫu những vĩ nhân anh hùng.

Như vậy, bằng cách lý giải về các nguồn gốc của “bổn phận đạo đức” Bergson cho thấy rằng, quá trình hình thành đạo đức xã hội loài người là một quá trình lâu dài, đầy thử thách của ý thức trong quá trình tiến hóa; quá trình đó không thể thiếu sự tham gia của lý trí. Nhưng, lý trí nếu mang tính mệnh lệnh, cưỡng chế, bắt buộc, thì sẽ trái ngược với *nguyên lý sự sống*; vì vậy, Bergson đề cập đến yếu tố thần bí - *siêu trí tuệ* thâm nhập, tác động vào nhau, tạo nên yếu tố mới, có tác động mạnh đến

hành động đạo đức. “Đạo đức đóng” và “Đạo đức mở” sẽ cho chúng ta thấy rõ điều này.

3. Đạo đức đóng - *la morale close*

Đạo đức đóng là một trong hai hình thức đạo đức dưới góc nhìn của Bergson. Hình thức đạo đức này có nguồn gốc từ Tự nhiên thụ tạo (*Nature naturée*); vận hành trên nguyên tắc vị kỷ; có cơ chế hoạt động theo bản năng và giá trị hướng đến cá nhân, gia đình, tập thể, quốc gia, dân tộc. Hiện thân của “Đạo đức đóng” là “xã hội kín”.

Nền “Đạo đức đóng” là tổng thể các quy định, điều lệ cấu thành nên hệ thống luật pháp của xã hội. Đặc trưng của “Đạo đức đóng” chính là nghĩa vụ, sự bó buộc mang tính tất yếu; đòi hỏi mỗi cá nhân phải có bổn phận tuân phục những yêu cầu của xã hội; phục tùng chế độ xã hội vô điều kiện. Theo đó, cơ chế luật pháp vạch ra những lộ trình sẵn, con người phải đi theo. Đó là “cái chất cốt đồng đặc, cái tinh túy của hàng ngàn tập quán xã hội mà chúng ta đã tiềm nhiễm, những tập quán mà chúng ta phải tuân theo hàng ngàn yêu cầu riêng biệt của đời sống xã hội” (Bergson 1974: 20).

Bergson cho rằng, nền “Đạo đức đóng” hoạt động theo sự dẫn dắt của bản năng, hướng vào việc bảo vệ nhóm người này chống lại nhóm người khác vì lợi ích riêng tư. Trong nền “Đạo đức đóng”, con người chỉ biết lựa chọn cho mình một lối sống với những ràng buộc nghiệt ngã, đầy tính hiếu chiến. Nói cách khác, bản tính tự nhiên và bản năng xã hội làm cho con người yêu mến những người thuộc về mình trong

tập thể khép kín, chứ không phải yêu mến những kẻ lạ - cái mà theo khuynh hướng tự nhiên, con người không biết đến. Do đó, con người sống theo nguyên tắc vị kỷ - tập trung vào lợi ích cá nhân và xem đó là yếu tố hàng đầu trong việc ra quyết định. Hiện thân của nền “Đạo đức đóng” là “xã hội kín” - một xã hội trong đó các thành viên liên kết chặt chẽ với nhau, nhưng luôn ở trong trạng thái cảnh giác, sẵn sàng phòng thủ hoặc tấn công, và trên thực tế luôn trong tư thế chuẩn bị chiến đấu. “Tương tự như vậy, hòa bình cho đến nay luôn là sự chuẩn bị cho phòng thủ hoặc thậm chí là tấn công, ít nhất là cho chiến tranh ... con người luôn phải chuẩn bị cho cuộc tấn công hoặc phòng thủ” (Bergson 1974: 23). Đó chính là bản tính tự nhiên. Khi chiến tranh xảy ra, bản năng tự nhiên nguyên thủy thuần túy trỗi dậy, chiếm lấy thang giá trị của đời sống xã hội. Khi đó, mọi trật tự đạo đức bị xáo trộn, lật đổ. Việc “giết người, cướp của, cũng như phản bội, gian lận và dối trá không chỉ trở thành hợp pháp mà còn thực sự đáng khen ngợi” (Bergson 1974: 23). Xã hội cần phải dùng lực để uốn cong mọi ý chí cá nhân theo cùng một mục đích duy trì trật tự xã hội. Lực đó là nghĩa vụ đạo đức. Nghĩa vụ này gắn liền với “Tôn giáo tĩnh”.

“Tôn giáo tĩnh” là hệ thống các giáo lý, giới luật, nghi thức (tế tự) nhằm hướng con người tới việc tuyệt đối tuân phục một tinh thần tối linh (hay một bóng ma) nào đó do cộng đồng ấy đề ra. Chức năng của “Tôn giáo tĩnh” gắn con người với cuộc sống, cá nhân với

xã hội” (Bergson 1974: 200). Hay, “sự tự tin mà Tôn giáo tĩnh tại mang lại cho con người sẽ được biến đổi: con người không còn suy nghĩ cho ngày mai, không còn lo lắng tìm kiếm trái tim; về mặt vật chất, nó sẽ không còn giá trị nữa, và về mặt đạo đức sẽ có ý nghĩa cao hơn” (Bergson 1974: 201). Để “Tôn giáo tĩnh” thực hiện được nhiệm vụ này, nó phải kiện toàn nền “Đạo đức đóng”. Trước hết, phải hạn chế trí tuệ con người. Vì trí tuệ khiến con người nhận ra bản thân mình, đồng thời nhận ra cái chết. “Nếu động lực của sự sống khiến mọi sinh vật khác tránh xa hình ảnh cái chết, thì ý nghĩ về cái chết phải làm chậm lại sự vận động của sự sống trong con người” (Bergson 1974: 120). Theo Bergson, “Tôn giáo tĩnh” giống như một phản ứng tự vệ của tự nhiên chống lại những cái làm giảm sút tinh thần cá nhân, băng hoại xã hội. “Tôn giáo tĩnh” nhằm hướng đến hạn chế lý trí, trí tuệ con người; hòa con người vào thiên nhiên, đời sống xã hội. Nó “tạo ra huyền thoại để đáp ứng một nhu cầu thực tế, làm giả thực tế như thực tế được nhận thức, đến mức khiến chúng ta hành động theo” (Bergson 1974: 200). Do đó, “Tôn giáo tĩnh” tham gia vào việc phục vụ cho sự nghiệp củng cố trật tự xã hội của các thế lực chuyên chế, phản động, cực quyền thủ tiêu những quyền cơ bản của con người.

Có lẽ những suy tư về “Đạo đức đóng”, “Tôn giáo tĩnh” của Bergson được xây dựng từ thực trạng kinh tế, xã hội châu Âu và nước Pháp lúc bấy giờ - một thực trạng đang nỗ lực khôi phục

lại hoạt động kinh tế, chính trị sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Tuy nhiên, quá trình ấy không mang lại cho nhân loại nền hòa bình; nó lại gieo mầm cho một cuộc chiến tranh hủy diệt mới: Chiến tranh thế giới thứ hai. Trong bối cảnh đó, triết gia Nietzsche cũng đã lên án, tố cáo nền văn minh giả dối đương thời đang “từng bước đi đến sự đồi bại”; nền văn minh khiến cho “con người đánh mất chính mình” nhưng lại khiến người người ra sức sùng bái, ca tụng. Do đó, “Đạo đức đóng”, “Tôn giáo tĩnh” của Bergson đã cho thấy ý nghĩa to lớn trong việc thức tỉnh con người nhận thức sâu sắc hơn về bản thân và xã hội. Điều này cho thấy rõ những tư tưởng phê phán của ông về hiện thực xã hội đương thời; phê phán trạng thái khép kín của xã hội. Theo ông, trạng thái này cần phải được thay thế, hoặc phải được vượt qua bằng một xã hội đối lập với nó: trạng thái mở - trạng thái của sáng tạo và tự do. Bergson đi đến viễn cảnh một xã hội mở mà ở đó chân trời tự do, sáng tạo và yêu thương của con người được mở rộng, để con người vươn đến đỉnh cao nhân vị theo dòng chảy nguyên lý sáng tạo của sự sống.

4. Đạo đức mở - *la morale ouvert*

“Đạo đức mở” là khái niệm đối lập với “Đạo đức đóng”; là hình thái đạo đức thứ hai trong quan điểm của Bergson. “Đạo đức mở” có nguồn gốc thần bí từ Tự nhiên tự tạo (Nature *naturant*); hoạt động theo nguyên tắc bác ái; có cơ chế hoạt động dựa trên cảm xúc siêu trí; có giá trị hướng đến nhân loại nói chung. Hiện thân của

“Đạo đức mở” là “xã hội mở”.

Theo Bergson, mọi tiến bộ đạo đức chỉ được thực hiện khi có sự hiện diện và tác động của nền “Đạo đức mở”. “Đạo đức mở” được thúc đẩy bởi nguyên lý của sự sống; bị hấp dẫn bởi một cảm xúc mang tính thần bí qua tiếng gọi của các anh hùng, hướng tới toàn thể nhân loại. Đây chính là sự khác nhau mang tính bản chất giữa “Đạo đức đóng” và “Đạo đức mở”.

“Đạo đức mở” muốn trở nên hoàn hảo thì cần phải có những nhân vật ưu tú, làm gương mẫu về: lối sống vị tha, một cuộc sống thiện; ủng hộ tự do, bình đẳng, bác ái; xây dựng được trật tự hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích nhân loại. “Đạo đức mở” không đặt ra những ràng buộc nghiệt ngã, không kích động tính hiếu chiến của cộng đồng; khơi dậy niềm tự hào dân tộc, tinh thần tự cường; đề cao chủ nghĩa yêu nước. Bởi vì, “nguyên tắc duy nhất có thể vô hiệu hóa xu hướng phá hoại, là lòng yêu nước” và “Chủ nghĩa yêu nước sẽ che chở một xứ sở rộng lớn, nâng tầm vóc một dân tộc, nó chúc cho dân tộc ấy những gì tốt đẹp nhất trong tâm hồn; cuối cùng, từ từ và thành kính, nó tự tạo thành với những hoài niệm và hy vọng, với thơ và tình yêu, với chút nét đẹp đạo đức ở đời, như mặt với hoa” (Bergson 1974: 226). Chỉ có tình cảm cao quý của lòng yêu nước, mới có thể vượt qua được những tình cảm sâu sắc như sự ích kỷ của bộ tộc.

“Đạo đức mở” của Bergson đã có sự đồng điệu nhất định với Aguste Comte (1798 - 1857) khi cho rằng “trách nhiệm

đạo đức cao nhất hay hình thái cao nhất của sinh hoạt đạo đức là yêu người và phục vụ loài người” và “tính người là nền tảng của xã hội; cái quyết định nguồn gốc và tính chất của xã hội là tình cảm, ý chí thể hiện tính người, cũng là bản năng của con người” (Dẫn theo: Lưu Phóng Đồng 2004: 94-96). Rõ ràng, cả Bergson và Comte đều đề cao vai trò tình yêu loài người trong đạo đức học. Tuy nhiên, hơn hẳn Comte ở chỗ, trong khi Comte đề cao tính độc tôn của chế độ sùng bái xã hội; thì Bergson cho thấy rõ hơn tình yêu đích thực đối với loài người; tình yêu chân thực, sự hy sinh chân thực giữa người với người theo cách Thượng đế đã yêu loài người. “Tình yêu thương” và “xã hội mở” cho thấy Bergson đặt hy vọng to lớn vào nhân quyền và việc thực hiện dân chủ. Chính lối tư duy ấy là phương tiện để sau này “Bergson được bổ nhiệm làm chủ tịch Ủy ban Hợp tác Trí tuệ Quốc tế (tiền thân của UNESCO)” (Lefebvre Alexandre 1979: 4).

Để hiểu được lịch sử nhân loại, hiểu được “xã hội mở” và nắm được bản chất của tôn giáo, chúng ta cần có “Tôn giáo động”. Tôn giáo này được hình thành ở giai đoạn trí tuệ con người phát triển cao hơn - *siêu trí tuệ*; ra đời trên cơ sở của những thuyết thần bí từ người có trực giác nhạy cảm, trí tuệ sáng suốt, thấu hiểu tạo hóa, lấy tình yêu thương con người làm nguyên tắc chính; đối lập với tôn giáo tự nhiên, khép kín, thụ động. “Tôn giáo động” mang theo sức sống mãnh liệt của sự sáng tạo và năng lượng của sự tiến hóa; thể hiện sức sống vượt

trội; tách mình khỏi sự khép kín; là bước nhảy vọt vượt ra ngoài tự nhiên (Bergson 1997: 212). “Tôn giáo động” chỉ được truyền bá, lan tỏa thông qua hình ảnh và biểu tượng do chức năng tạo ra huyền thoại mang lại. Theo Bergson, sức vóc, cơ thể con người hiện đại đã trở nên to lớn, mạnh mẽ hơn khi có máy móc khoa học, kỹ thuật; do đó, nhất thiết phải có sự bổ sung cho tâm hồn bằng việc xây dựng một “Tôn giáo động”. Bởi vì, con người không thể vươn lên về mặt tinh thần khi vẫn còn bị chi phối và chìm ngập trong thế giới vật chất; khi nạn đói vẫn còn đe dọa loài người. Khoa học kỹ thuật phát triển đã cứu nhân loại thoát khỏi nghèo nàn; làm tăng sức mạnh lên hàng trăm lần cho con người; cũng vì thế mà mâu thuẫn lại xảy ra. Đó là mâu thuẫn giữa tâm hồn nhỏ bé với thể xác to lớn - nguồn gốc của sự hỗn độn, bất an. Muốn khắc phục tình trạng này, con người cần tạo ra cho mình một tâm hồn ngang tầm thời đại - tâm hồn thần bí mang tính thần tích cực. Bergson gọi đó là *Thuyết thần bí năng động*, hoạt động dựa trên tình yêu thương con người, yêu cuộc sống và sự sáng tạo.

“Đạo đức mở”, “xã hội mở” của Bergson có giá trị đặc biệt; mở ra sức mạnh sáng tạo của tinh thần con người ở góc độ đạo đức; xây dựng niềm tin về tương lai cho sự tiến hóa của loài người. Bergson cũng cho rằng, để nhân loại từ bỏ được “Đạo đức đóng” để đến “Đạo đức mở”, thì cả hai phải được tiếp nhận và vay mượn lẫn nhau, “cái thứ nhất cho cái thứ hai mượn những gì có tính cách ép buộc của nó - nghĩa vụ” (Bergson 1974: 257). Trong khi đó, cái

thứ hai - “Đạo đức mở” - đã rải rắc một chút hương thơm của nó lên “Đạo đức đóng”. Chính vì vậy, nghĩa vụ sẽ không hề mất đi trong đạo đức mới.

5. Người Anh hùng – kẻ khai sáng nền đạo đức mới

Người Anh hùng mà Bergson đề cập ở đây là những con người ưu tú nhất trong xã hội con người. Đó là “những vị sáng lập và cải cách tôn giáo, những nhà thần bí và thánh nhân, những vị anh hùng vô danh của đời sống đạo đức mà chúng ta đã có thể gặp trên đường đời, những người mà chúng ta coi là vĩ đại nhất” (Bergson 1974: 42). *Người Anh hùng* chính là những thủ lĩnh lớn của nhân loại, có khả năng phá vỡ những hàng rào thành quách, những khuôn khổ khép kín, ngưng đọng mà con người có thể bị hãm để khai mở một nền đạo đức mới của nhân loại. *Người Anh hùng* “hơn hẳn con người”. Cho nên, họ không cần phải hành động, cũng không cần phải thúc giục, mà “chỉ cần hiện diện; bản thân sự hiện diện của họ là một lời kêu gọi” (Bergson 1974: 26). Những gương sáng của *người Anh hùng* sẽ đánh thức trong sâu thẳm loài người, giúp loài người thực hiện một bước nhảy vọt về phía trước.

Cùng với Bergson, học thuyết đạo đức của Nietzsche cũng nói về hình tượng con người siêu vượt. Con người đó được Nietzsche gọi là *Siêu nhân* - kẻ đã hoàn toàn vượt qua thế giới thiện ác của con người. Mẫu *người Anh hùng* của Bergson và mẫu *người Siêu nhân* của Nietzsche cho thấy những tương đồng và khác biệt nhất định.

Tương đồng ở chỗ, *trước hết*, hai

mẫu người này là hiện thân của những cá nhân siêu việt đang ở trên đỉnh cao tiến hóa của loài người, là hiện thân của năng lực sáng tạo vô biên. *Siêu nhân* của Nietzsche là những người trung thành với trái đất, trung thành với sức mãnh liệt của nhân đức, tình yêu và trí thức của họ phụng sự ý nghĩa của trái đất. Thế nhưng, sự khác biệt cũng khá rõ ở chỗ: *Siêu nhân* của Nietzsche thường căng thẳng và cay nghiệt, hoàn toàn từ bỏ con người. Bởi vì, đối với *Siêu nhân*, “con người là một hiện thể bất thành là một sự chuyển tiếp và một sự suy tàn” (Friedrich Nietzsche 2003: 529); do đó cần phải vượt qua con người để đi vào trạng thái sung mãn của hiện thực quyền lực. Ngược lại, *Người Anh hùng* của Bergson tự tại và bao dung, không hề từ bỏ con người; có sứ mệnh yêu thương con người, dẫn dắt con người lên đến đỉnh cao, nơi mà có thể đi đến bằng tình yêu huynh đệ.

Tuy nhiên, Karl Popper (1902-1994), với cách tiếp cận đạo đức từ lập trường duy lý phê phán, đã đối lập với Bergson về phương pháp luận và quan điểm triết học. Theo đó, trong tác phẩm *Xã hội mở và kẻ thù của nó* (năm 1945), Popper cho rằng nền tảng đạo đức của xã hội mở phải dựa trên trách nhiệm cá nhân, minh bạch, và khả năng tự điều chỉnh qua đối thoại và kiểm chứng. Đạo đức phải là một phần của tiến trình xã hội tự do, nơi mọi lý thuyết và hành vi đạo đức đều phải có khả năng bị kiểm tra, sửa sai, chứ không nên tôn thờ như chân lý bất biến. Ông từ chối mọi hình thức đạo đức “siêu việt” hoặc được “mặc khải” bởi một cá nhân phi thường, vì chúng dễ

dẫn đến chủ nghĩa độc tài luân lý bị che đậy bởi thần học.

Bergson đã dành nhiều sự suy tôn cho đạo đức của các *Người Anh hùng*, đặt cho họ kỳ vọng là *kẻ khai sáng nền đạo đức mới*. Việc tuyệt đối hóa vai trò cá nhân trong tiến trình đạo đức đã khiến tư tưởng ông mang đậm sắc thái siêu hình, thiếu đi cái nhìn lịch sử, xã hội cụ thể; phủ nhận tính đa chiều, phức tạp của đạo đức; tạo tâm lý thần thánh hóa, sùng bái cá nhân. Cách tiếp cận này có nguy cơ dẫn đến khuynh hướng thần thánh hóa, sùng bái cá nhân, từ đó làm lu mờ vai trò của cộng đồng, tập thể xã hội trong quá trình hình thành và vận động của đạo đức. Chính điểm này khiến tư tưởng đạo đức của Bergson khó dung hòa với lập trường duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác, vốn nhấn mạnh vai trò của quần chúng nhân dân như là chủ thể thực sự của lịch sử. Như V.I.Lênin từng nhấn mạnh: “Trong lịch sử, chưa hề có một giai cấp nào giành được quyền thống trị, nếu nó không đào tạo ra được trong hàng ngũ của mình những lãnh tụ chính trị, những đại biểu tiên phong có đủ khả năng tổ chức và lãnh đạo phong trào” (V.I.Lênin 2005, tập 4: 473).

6. Giá trị tư tưởng đạo đức của Henri Bergson

Cách tiếp cận của Bergson về vấn đề đạo đức trong xã hội là một sáng tạo độc đáo. Ông suy tư về khả năng đạo đức học mang lại hạnh phúc cho con người, xây dựng viễn cảnh mới cho đạo đức nhân loại.

Về “Đạo đức đóng”, “xã hội đóng”, cũng như các điều kiện duy trì xã hội này cho thấy, đây là hệ thống tách biệt khỏi tự

nhiên; thể hiện thông điệp lên án tính chất “phản nhân văn” và đi ngược lại quyền sống của con người. Từ đó, Bergson đề cập những hạn chế cần xóa bỏ trong loại hình đạo đức này. Nhưng, ông đưa ra phương pháp, cách thức để xóa bỏ khá trừu tượng, thần bí và đơn giản. Cụ thể là, những hạn chế của “Đạo đức đóng” sẽ được xóa bỏ khi nó nhận được những khuếch tán “hương thơm” của vẻ đẹp đạo đức bên ngoài, cao hơn nhân loại và vậy gọi nhân loại đến với nó. Lối tư duy ấy đã dẫn dắt hướng giải quyết vấn đề thực tiễn đạo đức dựa vào tôn giáo. Do đó, tư tưởng của ông mang yếu tố duy tâm, thần bí khi bàn về đạo đức.

Về “Đạo đức mở”, “xã hội mở”, Bergson hướng con người tới xã hội phi bạo lực, hợp nhất trong tình yêu thương và bình đẳng. Điều này thể hiện vấn đề mang tính nhân văn của xã hội loài người - vấn đề dân chủ và nhân quyền con người. Theo đó, Bergson đặt hy vọng to lớn vào dân chủ, nhân quyền; thông qua đó cũng thể hiện quan điểm chính trị của ông - sử dụng nhân quyền như một tiêu chí để đánh giá các thể chế, các loại hình tổ chức chính trị, và các hiện tượng chính trị khác. Điều đó cũng thể hiện nỗ lực của Bergson nhằm đập tan khuôn khổ hẹp hòi của đạo đức duy lý, đạo đức áp lực; giải phóng năng lượng đạo đức năng động; phác thảo “một đạo đức không giam hãm con người trong chính mình, mà bộc lộ và tôn trọng nguồn mạch của kinh nghiệm đạo đức và đời sống đạo đức” (Jacques Maritain 1943: 76). Tuy nhiên, bình đẳng mà Bergson đề cập là bình đẳng trước Chúa, Thượng

đế, chứ không phải bình đẳng trong đời sống hiện thực giữa con người với con người. Bình đẳng trong đời sống hiện thực mới là thực tiễn phù hợp với xu hướng phát triển của lịch sử, đáp ứng yêu cầu của nền “Đạo đức mở”. Do đó, cách tiếp cận của Bergson vẫn là lối tư duy thần bí, không tìm thấy những động lực của lịch sử nhân loại trên hành trình đi đến tự do. Có thể nói, nền “Đạo đức mở” là một giấc mơ vĩnh cửu trong tâm hồn Bergson. Tuy có những giới hạn lịch sử nhất định, nhưng những suy tư, trăn trở và khát vọng của Bergson vẫn chứa đựng những giá trị nhân bản cao quý trong một thế giới đầy biến động.

Đạo đức con người gắn với thói quen, nghĩa vụ; từ đó, xã hội đã vạch ra cho cá nhân những thói quen tuân thủ các quy tắc, nghĩa vụ. Cá nhân là một phần của xã hội, bị gắn chặt vào nhiệm vụ của xã hội, cộng đồng. Giống như tế bào sống trong cơ thể sinh vật, chúng vừa tồn tại vì chính bản thân, vừa nhận sức sống từ cơ thể và góp phần duy trì sức sống cho cơ thể đó. Bằng việc nghiên cứu, sử dụng ngôn ngữ xã hội sinh học đối với vấn đề đạo đức; sử dụng lối so sánh hình tượng để minh họa vai trò của mỗi thành viên trong cấu trúc xã hội, Bergson đã chỉ ra một quan niệm (một định kiến) về đạo đức; trở thành một vấn đề chính thống trong tiềm thức, trong diễn ngôn về quyền con người, ở cả thời đại của ông lẫn thời đại hiện nay. Đó là vấn đề “dân chủ” và “quyền dân chủ” của con người. Những quyền này nhằm duy trì sự bất khả xâm phạm, đòi hỏi tất cả mọi người đều phải trung thành tuyệt đối với nghĩa vụ. Mọi người phải tôn trọng

người khác như chính mình. Theo đó, toàn thể công dân, tức là nhân dân, đều có chủ quyền và quyền dân chủ.

6. Kết luận

Bergson coi nghĩa vụ vốn có trong cấu trúc của loài người là cơ bản đến mức được ví như lực hấp dẫn. “Một lực lượng định hướng không thay đổi, đối với tâm hồn giống như trọng lực đối với cơ thể, đảm bảo sự gắn kết của nhóm bằng cách uốn cong mọi ý chí cá nhân về cùng một mục đích. Lực lượng đó là đạo đức nghĩa vụ” (Gallagher Idella J. 2012: 60). Chính nghĩa vụ đạo đức là yếu tố đảm bảo duy trì ổn định xã hội; là kim chỉ nam định hướng hành vi, từ đó mỗi cá nhân lựa chọn những hành động phù hợp với các giá trị đạo đức chuẩn mực; giúp xây dựng lòng tin và sự kết nối giữa người với người. Đây là quan điểm mang lại giá trị sâu sắc trong tư tưởng của Henri Bergson. Trong đó, có những quan điểm đạo đức được Bergson đưa ra trong giai đoạn những năm 1930 vẫn còn phù hợp và có giá trị cho đến ngày nay. “Vấn đề đạo đức lớn nhất của thời đại chúng ta là làm thế nào để phát triển lòng trung thành trên quy mô lớn hơn để phù hợp với thực tế rằng thế giới hiện nay là một ngôi làng toàn cầu; trong khi tạo ra các đơn vị quy mô bộ lạc để đảm bảo rằng chúng ta thuộc về một hệ thống xã hội có khuôn mặt con người. Sự tồn tại của vũ khí hủy diệt hàng loạt và nhu cầu quản lý các khía cạnh quan trọng của môi trường như một tài sản chung toàn cầu đe dọa thảm họa nếu chúng ta thất bại trong dự án này” (Keith Ansell – Pearson 2018: 111).

Mặc dù khi bàn về đạo đức, tư tưởng của Bergson vẫn còn mang những yếu

tổ duy tâm và màu sắc thần bí, song quan niệm của ông về đạo đức, đặc biệt là khái niệm “Đạo đức mờ”, thể hiện rõ khát vọng hướng tới xây dựng một nền đạo đức xã hội tốt đẹp hơn. Chính khát vọng đó làm nên giá trị nhân văn sâu sắc trong tư tưởng đạo đức của Bergson.

Tài liệu trích dẫn

1. Bergson Henri. 1974. *The two sources of morality and religion*, trans by R.Ashley Audra and Cloudesley Brereton. Green wood press publishers.
2. Jacques Maritain. 1943. *Redeeming the time*, trans. Harry Lorin Binsse. London: The Centenary Press.
3. Lefebvre Alexandre. 1979. *Human rights as a way of life: on Bergson's political philosophy*.
4. V.I.Lênin. 2005. *Toàn tập*. Tập 4. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
5. Lưu Phóng Đồng. 2004. *Triết học phương Tây hiện đại: giáo trình hướng tới thế kỷ 21*. Lê Khánh Trường dịch. Hà Nội: Nxb. Lý luận Chính trị.
6. Nietzsche Friedrich. 2003. *Zarathustra đã nói như thế*. Trần Xuân Kiêm dịch. Hà Nội: Nxb. Văn hóa – Thông tin.
7. Popper Karl. 1945. *The Open Society and Its Enemies*. London: Routledge
8. Keith Ansell – Pearson. 2018. *Thinking beyond the human condition*. Bloomsbury Academic.
9. Gallagher Idella J. 1970. *Morality in evolution the moral philosophy of Henri Bergson*. Publisher Springer Science + Business Media Dordrecht.
10. Gallagher Idella J. 2012. *Morality in evolution the moral philosophy of Henri Bergson*. Publisher Springer Science + Business Media Dordrecht.